

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÓM TẮT
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018
HUYỆN BÀU BÀNG – TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bàu Bàng, năm 2017

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết phải tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018

Đất đai là tài sản chung của mỗi quốc gia, vừa là tư liệu vừa là đối tượng sản xuất và cũng là nơi xây dựng các công trình phục vụ phát triển kinh tế, dân sinh và quốc phòng an ninh. Quá trình khai thác sử dụng đất đai luôn gắn liền với quá trình phát triển của xã hội. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu sử dụng đất càng cao, trong khi đó đất đai lại có hạn và ngày càng trở nên quý giá. Chính vì vậy, việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và bền vững luôn là nhu cầu cấp thiết, đòi hỏi phải cân nhắc kỹ càng và hoạch định khoa học.

Điều 4, Luật Đất đai 2013 quy định “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo nguyên tắc “Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất” khoản 1 – điều 6 – Luật Đất đai. Đồng thời, tại điều 37 cũng quy định kỳ quy hoạch sử dụng đất là 10 năm; kỳ kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Bàu Bàng đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 27/03/2014. Trên cơ sở đó cùng với theo yêu cầu của Luật Đất đai 2017, UBND huyện Bàu Bàng cũng đã tiến hành xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm (năm 2015, 2016, 2017) làm cơ sở để các cơ quan, ban ngành có chức năng thực hiện công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất cho các cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Đất đai. Nhằm tạo cơ sở pháp lý cho giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018 trên địa bàn Huyện, theo quy định tại điều 52 – Luật đất đai 2013 cần thiết phải tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất.

Tên dự án: Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Bàu Bàng.

- Chủ đầu tư: Ủy ban Nhân dân huyện Bàu Bàng.
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.
- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Mục đích lập kế hoạch sử dụng đất

- Đánh giá kết quả, những tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của Huyện. Phân bổ đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2018 trên địa bàn huyện Bàu Bàng.

- Tạo căn cứ pháp lý để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2018 cho các đối tượng sử dụng đất trên địa bàn huyện.

3. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm

Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được quy định tại Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bao gồm các nội dung chính sau:

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.
- Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm.
- Thẩm định, phê duyệt và công bố công khai.

4. Cơ sở pháp lý

Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Bàu Bàng được xây dựng dựa vào những cơ sở pháp lý sau:

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013.
- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
- Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.
- Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- Thông tư 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
- Công văn số 2505/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 08/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai một số nội dung quản lý đất đai sau khi Luật Đất đai có hiệu lực thi hành.
- Văn bản số 2326/UBND-KTN ngày 18/7/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về việc triển khai một số nội dung quản lý đất đai sau khi Luật Đất đai có hiệu lực thi hành.
- Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Bình Dương.
- Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 11 tháng 06 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025.
- Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Bàu Bàng.
- Quyết định phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) các xã thuộc huyện Bàu Bàng.

- Nghị quyết số 44/NQ-HĐND8 ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về Danh mục dự án, công trình thuộc diện thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất lúa trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Nghị quyết số 32/NQ-HĐND9 ngày 12/08/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án, công trình thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Nghị quyết số 59/NQ-HĐND9 ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về Danh mục dự án, công trình thuộc diện thu hồi đất trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Bàu Bàng.

- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 20/07/2017 về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 59/NQ-HĐND9 ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về Danh mục dự án, công trình thuộc diện thu hồi đất trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 28/08/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Bàu Bàng.

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017

Danh mục dự án công trình thuộc diện thu hồi đất trong năm 2017 trên địa bàn huyện Bàu Bàng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương thông qua tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND9 ngày 16/12/2016. Trên cơ sở đó, UBND huyện Bàu Bàng đã xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất năm 2017 và đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 30/12/2016.

Nhằm đáp ứng nhu cầu đăng ký bổ sung các danh mục công trình trong năm kế hoạch 2017 cũng như rà soát các danh mục không có khả năng thực hiện trong năm 2017, UBND huyện Bàu Bàng cũng đã có công văn số 1548/UBND-KT ngày 21/6/2017 về việc rà soát nhu cầu sử dụng đất, bổ sung danh mục các công trình dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2017. Trên cơ sở đó, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương cũng đã thông qua Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 59/NQ-HĐND9 ngày 16/12/2016, trong đó có điều chỉnh danh mục các công trình dự án đã đưa vào Nghị quyết 59/NQ-HĐND9 nhưng chưa thực hiện trong năm 2017 trên địa bàn huyện Bàu Bàng. Theo đó, ngày 28/08/2017 UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 2312/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Bàu Bàng.

Kết quả thực hiện danh mục công trình và các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2017 huyện Bàu Bàng được đánh giá dựa trên Nghị quyết số 59/NQ-HĐND9, Quyết định số 3784/QĐ-UBND và kết quả điều chỉnh bổ sung tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND và Quyết định số 2312/QĐ-UBND. Cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KHSDD NĂM 2017

Tổng số công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2017 là 69 công trình, dự án với tổng diện tích 2.831,77ha. Kết quả thực hiện trong năm 2017 như sau:

(1). Công trình đã thực hiện: 13 công trình với tổng diện tích 89,29ha.

(2). Công trình đang thực hiện, đang trình thu hồi đất hoặc đã thu hồi, giao đất được một phần: 37 công trình với tổng diện tích là 1.061,48ha.

Như vậy, nếu tính tổng (1) và (2), thì ***các công trình đã hoặc đang thực hiện trong năm 2017 là 50 công trình với tổng diện tích 1.150,77ha (chiếm 72,46% tổng số công trình trong năm kế hoạch và 40,64% diện tích theo kế hoạch năm 2017).***

(3). Công trình chưa thực hiện, tiếp tục đề xuất chuyển tiếp sang thực hiện trong năm 2018: 16 công trình với tổng diện tích là 828,96ha.

(4). Công trình không thực hiện, đề xuất đưa ra khỏi KHSDĐ năm 2018: 3 công trình với tổng diện tích 852,04ha, gồm khu dân cư Bàu Bàng (851ha), nhà máy nước xã Hưng Hòa (0,22ha) và công ty TNHH sản xuất sơn Bò Công Anh (0,82ha).

Nguyên nhân diện tích các công trình chưa thực hiện chiếm tỷ lệ cao so với tổng diện tích đất đưa vào thực hiện theo kế hoạch (chiếm đến 59,36%) là do các công trình có diện tích lớn chưa được triển khai thực hiện như khu công nghiệp Cây Trường 700ha và khu dân cư Bàu Bàng 851ha.

Kết quả thực hiện từng danh mục công trình, dự án trong năm kế hoạch được thể hiện cụ thể ở phụ biểu 01.

Chia theo từng năm kế hoạch cụ thể như sau:

- **Công trình chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2015:** là 11 công trình với tổng diện tích là 962,88ha, trong đó:

+ Công trình đã thực hiện: 4 công trình với tổng diện tích 11,3ha.

+ Công trình đang thực hiện, đang trình thu hồi đất hoặc đã thu hồi, giao đất được một phần: 5 công trình với tổng diện tích là 946,74ha.

+ Công trình chưa thực hiện, tiếp tục đề xuất chuyển tiếp sang thực hiện trong năm 2018 là 1 công trình với diện tích là 4,61ha.

+ Công trình không thực hiện, đề xuất đưa ra khỏi KHSDĐ năm 2018: 1 công trình với diện tích 0,22ha (nhà máy nước xã Hưng Hòa).

- **Công trình chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2016:** là 20 công trình với tổng diện tích là 67,7ha, trong đó:

+ Công trình đã thực hiện: 3 công trình với tổng diện tích 31,62ha.

+ Công trình đang thực hiện, đang trình thu hồi đất hoặc đã thu hồi, giao đất được một phần: 16 công trình với tổng diện tích là 32,08ha.

+ Công trình chưa thực hiện, tiếp tục đề xuất chuyển tiếp sang thực hiện trong năm 2018 là 1 công trình với diện tích là 4,0ha (Danh mục công trình đăng ký năm 2016 là Khu trung tâm hành chính, nhà công vụ, trung tâm hội nghị triển lãm; Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 chuyển thành hạng mục công trình Hội trường Huyện, nhà ăn Huyện ủy).

- **Công trình đăng ký mới năm 2017:** là 38 công trình với tổng diện tích là 1.801,89ha, trong đó:

+ Công trình đã thực hiện: 6 công trình với tổng diện tích 46,36ha.

+ Công trình đang thực hiện, đang trình thu hồi đất hoặc đã thu hồi, giao đất được một phần: 16 công trình với tổng diện tích là 82,66ha.

+ Công trình chưa thực hiện, tiếp tục đề xuất chuyển tiếp sang thực hiện trong năm 2018 là 14 công trình với tổng diện tích là 820,35ha.

+ Công trình không thực hiện, đề xuất đưa ra khỏi KHSDĐ năm 2018: 2 công trình với tổng diện tích 851,82ha.

Bảng 1: Kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án trong năm kế hoạch 2017 huyện Bàu Bàng – tỉnh Bình Dương

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch năm 2017		Kết quả thực hiện							
					Đã thực hiện		Đang thực hiện		Chưa thực hiện/chuyển tiếp		Điều chỉnh khỏi kế hoạch	
			Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
	Tổng		69	2.831,77	13	89,29	37	1.061,48	16	828,96	3	852,04
1	Đất quốc phòng	CQP	3	12,17	1	9,67	2	2,50				
2	Đất an ninh	CAN	4	1,92	1	0,30	1	0,32	2	1,30		
3	Đất khu công nghiệp	SKK	2	1.592,20			1	892,20	1	700,00		
4	Đất cơ sở sản xuất PNN	SKC	6	87,34	2	20,68			3	65,84	1	0,82
5	Đất thương mại dịch vụ	TMD		13,50		0,59				12,91		
6	Đất phát triển hạ tầng	DHT	34	138,72	8	35,46	16	89,78	9	13,26	1	0,22
-	Đất giao thông	DGT	10	57,30	2	0,11	7	56,49	1	0,70		
-	Đất thủy lợi	DTL	3	45,62	1	22,40	1	23,00			1	0,22
-	Đất công trình năng lượng	DNL	9	12,04	1	5,10	1	0,30	7	6,64		
-	Đất cơ sở văn hoá	DVH	5	14,76	1	4,90	3	3,94	1	5,92		
-	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	4	4,37	2	2,25	2	2,12				
-	Đất cơ sở y tế	DYT	1	3,43			1	3,43				
-	Đất chợ	DCH	2	1,20	1	0,70	1	0,50				
7	Đất ở tại nông thôn	ONT	3	951,50	1	17,47	1	71,00		12,03	1	851,00
8	Đất nghĩa trang nghĩa địa	NTD	1	1,50			1	1,50				
9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14	7,83			13	3,83	1	4,00		
10	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2	0,35			2	0,35				
11	Đất mặt nước chuyên dùng	MNC		0,24		0,24						
12	Đất nông nghiệp khác	NKH		24,50		4,88				19,62		

Nguồn: - Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 và Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 28/08/2017; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND9 ngày 16/12/2016 và Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 30/12/2016. - Chi tiết kết quả thực hiện từng dự án được thể hiện trong phụ lục 1 đính kèm.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017

Số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2017 được xây dựng dựa trên số liệu thống kê đất đai ngày 31/12/2016 cùng với kết quả ước chuyển mục đích sử dụng đất các công trình, dự án trong năm 2017. Số liệu kế hoạch sử dụng đất năm 2017 dùng để đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch là số liệu được duyệt theo Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và Quyết định 2312/QĐ-UBND ngày 28/08/2017 của UBND tỉnh Bình Dương. Cụ thể, so với QĐ 3784/QĐ-UBND, chỉ tiêu sử dụng đất năm kế hoạch 2017 theo QĐ 2312/QĐ-UBND sẽ: (1). Điều chỉnh tăng 18,36ha (bổ sung 14 công trình với tổng diện tích 11,11ha; chuyển mục đích đất ở, đất SKC và đất MNC với tổng diện tích 7,25ha), (2). Điều chỉnh giảm 163,10ha diện tích của 46 công trình không thực hiện trong năm 2017.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2017 như sau:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp

Theo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2017 đất nông nghiệp còn 25.584,65ha, kết quả ước thực hiện năm 2017 diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Bàu Bàng còn lại khoảng 28.443,39ha, cao hơn 2.858,74ha so với kế hoạch được duyệt năm 2017. Nguyên nhân chung nhất là các công trình phi nông nghiệp

chu chuyển từ quỹ đất nông nghiệp chưa đưa vào triển khai thực hiện hoặc đang thực hiện nhưng chưa hoàn thành nên chưa được thống kê, đặc biệt là các công trình có diện tích lớn như: khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (892ha), khu công nghiệp Cây Trường (700ha), khu dân cư Bàu Bàng (851ha),... Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2017 còn lại 629,10ha, kết quả ước thực hiện năm 2017 là 631,61ha, cao hơn 2,51ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do các công trình phi nông nghiệp, đất ở chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân lấy từ đất trồng cây hàng năm chưa triển khai thực hiện.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2017 là 24.758,67ha, kết quả ước thực hiện năm 2017 là 27.641,0ha. Nguyên nhân do các công trình phi nông nghiệp chu chuyển từ quỹ đất cây lâu năm chưa được đưa vào triển khai thực hiện như kế hoạch hoặc đang được triển khai thực hiện nhưng chưa hoàn tất các thủ tục.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2017 là 12,79ha, kết quả thực hiện đến năm 2017 là 12,76ha.

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2017 là 184,09ha, kết quả thực hiện đến năm 2017 là 158,02ha, thấp hơn 26,07ha so với kế hoạch được duyệt và chỉ đạt 85,84% kế hoạch được duyệt.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp

Theo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2017, đất phi nông nghiệp có diện tích là 7.631,09ha, kết quả thực hiện là 5.558,72ha, thấp hơn 2.072,37ha và chỉ đạt 72,84% so với kế hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất quốc phòng: Kế hoạch được duyệt năm 2017 là 31,35ha, thực hiện đạt 28,44ha, thấp hơn 2,91ha và đạt 90,73% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các công trình đất quốc phòng như Nhà quân sự (xã Tân Hưng) và trụ sở xã đội xã Hưng Hòa chưa đưa vào triển khai thực hiện.

- Đất an ninh: Kế hoạch năm 2017 được duyệt là 44,47ha, thực hiện đạt 41,95ha, thấp hơn 2,52ha và đạt 94,33% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chỉ có trụ sở công an xã Lai Hưng đã được đưa vào thực hiện, trụ sở công an các xã Hưng Hòa, Tân Hưng và Trù Văn Thố vẫn chưa được đưa vào triển khai.

- Đất khu công nghiệp: Kế hoạch được duyệt năm 2017 có diện tích là 2.686,36ha, kết quả thực hiện năm 2017 là 999,06ha, thấp hơn 1.687,30ha và chỉ đạt 37,19% so với kế hoạch được duyệt. Theo kế hoạch được duyệt, năm 2017 sẽ đưa vào thực hiện 02 dự án khu công nghiệp Cây Trường (700ha) và Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (892,2ha); tuy nhiên, đến nay chỉ có khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (892,20ha) đang được triển khai thực hiện và được chuyển tiếp sang năm kế hoạch 2018.

- Đất thương mại dịch vụ: Chỉ tiêu diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2017 là 46,46ha, theo số liệu kiểm kê ngày 31/12/2016, đất thương mại dịch vụ có diện tích 72ha, kết quả ước thực hiện chuyển mục đích trong năm 2017 là 0,59ha (công ty

TNHH MTV xăng dầu Ngọc Hùng, công ty TNHH MTV thương mại xăng dầu Công Bình và chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ của Trạm xăng dầu ở xã Cây Trường 2).

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu diện tích theo kế hoạch được duyệt là 846,89ha, diện tích ước thực hiện năm 2017 là 770,56ha, thấp hơn 76,34ha và đạt 90,99% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chính là do danh mục công trình đất sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đăng ký chuyển mục đích trong năm 2017 chưa được đưa vào triển khai (đến nay chỉ chuyển mục đích được 20,24ha).

- Đất phát triển hạ tầng: Kế hoạch được duyệt năm 2017 có diện tích là 1.784,12ha, thực hiện đạt 1.738,29ha, thấp hơn 45,83ha và đạt 97,43% so với kế hoạch được duyệt. Đến nay, đã và đang thực hiện 24/34 công trình (8/34 công trình đã thực hiện và 16/34 công trình đang thực hiện). Trong 10 công trình dự án chưa thực hiện thì các công trình thuộc chỉ tiêu đất năng lượng (trạm biến áp và đường dây đầu nối) chiếm tỷ lệ lớn nhất với 7 công trình và 6,64ha diện tích đất; 03 công trình hạ tầng chưa thực hiện còn lại là: 01 công trình đất giao thông (đường liên ấp 2- ấp 4 xã Trừ Văn Thố: 0,7ha), 01 công trình đất văn hóa (trung tâm văn hóa xã Lai Hưng: 5,92ha) và 01 công trình đất thủy lợi (nhà máy nước xã Hưng Hòa: 0,22ha).

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Năm 2017 không có kế hoạch thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu sử dụng đất có di tích lịch sử văn hóa. Diện tích năm 2017 là 2,25ha.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Năm 2017 không có kế hoạch thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải. Diện tích năm 2017 là 2,61ha.

- Đất ở tại nông thôn: Kế hoạch được duyệt là 1.804,07ha, kết quả thực hiện là 1.458,31ha, thấp hơn hơn 345,76ha và chỉ đạt 80,83% so với kế hoạch được duyệt. Bên cạnh do diện tích chuyển mục đích sử dụng của các hộ gia đình thấp hơn kế hoạch (9,47ha/21,5ha), nguyên nhân dẫn đến chỉ tiêu đất ở đạt thấp là do các dự án nhà ở có diện tích lớn nhưng chưa được đưa vào triển khai thực hiện như khu dân cư Bàu Bàng (851ha) hoặc đang được triển khai thực hiện (khu dân cư ấp Bà Tứ 71ha).

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Kế hoạch 2017 có diện tích là 25,85ha; theo số liệu thống kê ngày 31/12/2016, đất trụ sở cơ quan có diện tích là 37,55ha. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất trụ sở cơ quan năm 2017: 13/14 công trình đang được tiến hành trình thủ tục thu hồi với tổng diện tích 3,83ha và 01/14 công trình chưa thực hiện với diện tích 4ha (khu trung tâm hành chính, nhà công vụ, trung tâm hội nghị, triển lãm).

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Kế hoạch được duyệt năm 2017 là 37,64ha, kết quả thực hiện là 36,15ha, thấp hơn 1,5ha và đạt 96,04% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do công trình đất nghĩa địa tại xã Long Nguyên chưa được đưa vào triển khai thực hiện.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gồm sỏi: Năm 2017 không có kế hoạch thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng. Diện tích năm 2017 là 51,95ha.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Kế hoạch được duyệt năm 2017 có diện tích là 6,58ha, thực hiện 5,76ha, thấp hơn 0,82ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do văn phòng ấp Đồng Chèo (Lai Uyên) chưa được đưa vào triển khai thực hiện.

- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: Kế hoạch được duyệt năm 2017 là 0,12ha, số liệu thống kê đất đai ngày 31/12/2016 có diện tích là 52,44ha. Diện tích tăng thêm theo kết quả thống kê là diện tích của quỹ đất dự trữ để xây dựng các khu dịch vụ vui chơi giải trí, tuy nhiên năm 2015 (ngày 31/12/2015) thống kê theo hiện trạng sử dụng là đất chưa sử dụng, đến ngày 31/12/2016 đã thống kê theo hiện trạng giao đất (đất khu vui chơi giải trí). Trong năm 2017 chưa triển khai thực hiện công trình nào thuộc chỉ tiêu đất này.

- Đất tín ngưỡng: Năm 2017 không có kế hoạch thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu sử dụng đất tín ngưỡng. Diện tích năm 2017 là 0,92ha.

- Đất sông ngòi, kênh rạch: Năm 2017 không có kế hoạch thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu sử dụng đất này. Diện tích năm 2017 là 226,61ha.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Trong năm 2017, đã chuyển mục đích đất mặt nước chuyên dùng như kế hoạch được duyệt. Theo đó, diện tích đất mặt nước chuyên dùng năm 2017 là 27,61ha, thực hiện đạt 100% so với kế hoạch.

- Đất phi nông nghiệp khác: Năm 2017 không có kế hoạch thực hiện công trình thuộc chỉ tiêu sử dụng đất này. Diện tích năm 2017 là 0,45ha.

Bảng 2: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Bàu Bàng – tỉnh Bình Dương

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Kế hoạch năm 2017 ⁽¹⁾ (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích ⁽²⁾ (ha)	So sánh	
					Tăng, giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
	Tổng diện tích tự nhiên		34.002,11	34.002,11	0,00	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.584,65	28.443,39	2.858,74	111,17
1.1	Đất trồng lúa	LUA				
	<i>Tr dó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	629,10	631,61	2,51	100,40
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	24.758,67	27.641,00	2.882,33	111,64
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	12,79	12,76	-0,03	99,77
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	184,09	158,02	-26,07	85,84
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.631,09	5.558,72	-2.072,37	72,84
2.1	Đất quốc phòng	CQP	31,35	28,44	-2,91	90,73
2.2	Đất an ninh	CAN	44,47	41,95	-2,52	94,33
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	2.686,36	999,06	-1.687,30	37,19

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Kế hoạch năm 2017 ⁽¹⁾ (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích ⁽²⁾ (ha)	So sánh	
					Tăng, giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	46,46	72,59	26,13	156,24
2.7	Đất cơ sở sản xuất PNN	SKC	846,89	770,99	-75,90	91,04
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động KS	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.784,12	1.738,29	-45,83	97,43
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2,25	2,25		100,00
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,61	2,61		100,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.804,07	1.458,31	-345,76	80,83
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	25,85	37,55	11,70	145,26
2.16	Đất XD trụ sở của tổ chức SN	DTS				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,77	4,78	0,01	100,21
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	37,64	36,15	-1,49	96,04
2.20	Đất sản xuất VLXD	SKX	51,95	51,95		100,00
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,58	5,76	-0,82	87,54
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,12	52,44	52,32	43.700,00
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,92	0,92		100,00
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	226,62	226,61	-0,01	100,00
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	27,61	27,61		100,00
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,45	0,45		100,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	786,37		-786,37	

Nguồn: (1) KH năm 2017 trích theo QĐ số 3784/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Bình Dương và QĐ số 2312/QĐ-UBND ngày 28/08/2017 của UBND tỉnh Bình Dương

(2) Kết quả thực hiện là kết quả của số liệu thống kê đất đai ngày 31/12/2016 và kết quả ước thực hiện năm 2017.

3. Kết quả thực hiện kế hoạch khai thác đất chưa sử dụng

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2017 đã được phê duyệt, trên địa bàn Huyện diện tích đất chưa sử dụng còn 786,37ha, thực chất là diện tích các công trình, dự án đã được giao đất nhưng chưa triển khai thực hiện. Kết quả thống kê đất đai ngày 31/12/2016 đã thống kê quỹ đất này vào đúng chỉ tiêu sử dụng đất theo hồ sơ giao đất.

III. NHỮNG TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG TỒN TẠI TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017

1. Những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2017

Nhìn chung, kế hoạch sử dụng đất được duyệt đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác quản lý đất đai trên địa bàn Huyện, nhất là trong công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất... Tuy nhiên, qua đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cho thấy vẫn còn những tồn tại như sau:

- Thông thường các công trình, dự án phi nông nghiệp phải mất thời gian trong khảo sát thiết kế, đền bù giải tỏa và xây dựng, trong khi kế hoạch sử dụng đất xây

dụng hàng năm (thời gian thực hiện ngắn) nên kết quả thực hiện chậm so với kế hoạch đề ra. Vì vậy, các công trình dự án chưa thực hiện, có thể chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm sau.

- Chi phí đèn bù, giải phóng mặt bằng cao. Hơn nữa, chính sách giảm chi tiêu công và những khó khăn của doanh nghiệp nên ảnh hưởng đến nguồn vốn ngân sách cũng như nguồn vốn xã hội hoá để triển khai dự án. Vì vậy, nhiều công trình, dự án phải chuyển đầu tư sang năm 2018.

2. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện KHSDD năm 2017

- Nhà nước rất khó điều phối việc sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất vì quy định của các dự án kinh doanh phải thỏa thuận chuyển nhượng đất với người đang sử dụng đất.

- Nhiều chủ đầu tư đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch nhưng chưa cân nhắc đến khả năng triển khai dự án, trong khi thiếu chế tài để xử lý các trường hợp này. Dẫn đến, nhiều công trình, dự án phải chuyển tiếp sang năm sau.

- Việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất thường giải quyết theo phương thức hợp thức hóa theo yêu cầu, nhà đầu tư thỏa thuận bồi thường đến đâu thì giải quyết giao đất hoặc cho thuê đất thực hiện dự án đầu tư đến đó.

- Tiến độ đầu tư xây dựng các dự án chậm:

+ Khi giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, không xác định được năng lực của nhà đầu tư. Một số dự án đầu tư thiếu vốn dẫn đến dự án chậm triển khai không thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

+ Kế hoạch sử dụng đất chưa chú trọng nhiều đến việc xem xét khả năng tài chính để thực hiện, chưa dự báo được tình hình biến động của thị trường, những ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế trong nước và cả tác động của kinh tế thế giới đến việc sử dụng đất làm cho kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi thấp và thường xuyên thay đổi.

PHẦN II KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN BÀU BÀNG – TỈNH BÌNH DƯƠNG

I. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Trên cơ sở kết quả đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của các ngành, các cấp có liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn huyện; đồng thời cân nhắc khả năng đầu tư thực hiện trong năm 2018, dự báo nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện Bầu Bàng như sau:

- *Đất nông nghiệp*: 26.284,17ha, chiếm 77,30% diện tích tự nhiên và giảm 2.159,22ha so với năm 2017. Diện tích đất nông nghiệp giảm do chu chuyển sang

quỹ đất phi nông nghiệp, chiếm diện tích lớn là đất khu công nghiệp, đất phát triển hạ tầng, đất ở (các khu dân cư).

- *Đất phi nông nghiệp*: 7.717,94ha, chiếm 22,70% DTTN, tăng 2.159,22ha so với năm 2017, chủ yếu chuyển từ quỹ đất nông nghiệp (đất cây lâu năm).

Cụ thể số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch 2018 như sau:

**Bảng 3: Số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch 2018
huyện Bàu Bàng – tỉnh Bình Dương**

S T T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng cộng		Đăng ký mới năm 2018		Chuyển tiếp từ KHSDD 2015-2017	
			Số lượng dự án	Diện tích (ha)	Số lượng dự án	Diện tích (ha)	Số lượng dự án	Diện tích (ha)
	Tổng		74	2.191,48	12	301,18	62	1.890,30
1	Đất quốc phòng	CQP	3	3,00			3	3,00
2	Đất an ninh	CAN	3	1,62			3	1,62
3	Đất khu công nghiệp	SKK	2	1.592,20			2	1.592,20
4	Đất cơ sở sản xuất PNN	SKC	4	244,00	1	214,00	3	30,00
5	Đất thương mại dịch vụ	TMD		16,50		16,50		
6	Đất phát triển hạ tầng	DHT	42	187,87	10	8,07	32	179,80
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	18	109,74	7	2,15	11	107,59
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	3	47,20			3	47,20
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	8	6,94			8	6,94
-	<i>Đất cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	6	14,18	2	4,32	4	9,86
-	<i>Đất cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	5	5,88	1	1,60	4	4,28
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	1	3,43			1	3,43
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	1	0,50			1	0,50
7	Đất ở tại nông thôn	ONT	1	94,50		23,50	1	71,00
8	Đất nghĩa trang nghĩa địa	NTD	2	4,50			2	4,50
9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	15	7,94	1	0,11	14	7,83
10	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2	0,35			2	0,35
11	Đất khu vui chơi giải trí	DKV		15,00		15,00		
12	Đất nông nghiệp khác	NKH		24,00		24,00		

Ghi chú: Công trình chuyển tiếp KHSDD 2015-2017 bao gồm: 53 công trình chuyển tiếp (Bảng 2) và 09 công trình không thực hiện thu hồi đất trong năm 2017 (Phụ lục III, NQ 14/NQ-HĐND), đề xuất đưa vào KHSDD năm 2018.

Tổng số công trình, dự án trong năm kế hoạch 2018 là 74 công trình, dự án với tổng diện tích 2.191,48ha. Cụ thể:

- Công trình đăng ký mới năm 2018: 12 công trình với tổng diện tích 301,18ha.

- Công trình chuyển tiếp từ KHSDD các năm 2015, năm 2016 và năm 2017: 62 công trình với tổng diện tích 1.890,3ha. Cụ thể:

+ Công trình chuyển tiếp từ KHSDD năm 2017: 33 công trình với tổng diện tích 846,07ha.

+ Công trình chuyển tiếp từ KHSDD năm 2016: 21 công trình với tổng diện tích 69,08ha.

+ Công trình chuyển tiếp từ KHSDD năm 2015: 8 công trình với tổng diện tích 975,16ha.

Trong 62 công trình chuyển tiếp từ KHSDD các năm 2015, 2016 và 2017, có 9 công trình không thực hiện thu hồi đất trong năm 2017 theo Nghị quyết 14/NQ-

HĐND ngày 20/7/2017 của HĐND tỉnh Bình Dương, nay đề xuất đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch 2018.

2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm KHSDD 2018 trên địa bàn huyện Bàu Bàng như sau:

Bảng 4: Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Bàu Bàng

Số TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2017		Kế hoạch năm 2018		Tăng (+) giảm (-)	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		34.002,11	100,00	34.002,11	100,00		
1	Đất nông nghiệp	NNP	28.443,39	83,65	26.284,17	77,30	-2.159,22	-6,35
1.1	Đất trồng lúa	LUA						
	<i>Tr. đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC						
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	631,61	1,86	629,61	1,85	-2,00	-0,01
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	27.641,00	81,29	25.459,78	74,88	-2.181,22	-6,41
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH						
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX						
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	12,76	0,04	12,76	0,04		
1.8	Đất làm muối	LMU						
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	158,02	0,46	182,02	0,54	24,00	0,07
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.558,72	16,35	7.717,94	22,70	2.159,22	6,35
2.1	Đất quốc phòng	CQP	28,44	0,08	31,44	0,09	3,00	0,01
2.2	Đất an ninh	CAN	41,95	0,12	43,57	0,13	1,62	0,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	999,06	2,94	2.591,26	7,62	1.592,20	4,68
2.4	Đất khu chế xuất	SKT						
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN						
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	72,59	0,21	89,09	0,26	16,50	0,05
2.7	Đất CSSX phi nông nghiệp	SKC	770,99	2,27	1.014,99	2,99	244,00	0,72
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.738,29	5,11	1.925,73	5,66	187,44	0,55
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2,25	0,01	2,25	0,01		
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL						
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,61	0,01	2,61	0,01		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.458,31	4,29	1.552,81	4,57	94,50	0,28
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT						
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	37,55	0,11	37,66	0,11	0,11	0,00
2.16	Đất XD trụ sở của tổ chức SN	DTS						
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG						
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,78	0,01	4,78	0,01		
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	36,15	0,11	40,65	0,12	4,50	0,01
2.20	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	51,95	0,15	51,95	0,15		
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,76	0,02	6,11	0,02	0,35	0,00
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	52,44	0,15	67,44	0,20	15,00	0,04
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,92	0,00	0,92	0,00		
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	226,61	0,67	226,61	0,67		
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	27,61	0,08	27,61	0,08		
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,45	0,00	0,45	0,00		
3	Đất chưa sử dụng	CSD						
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN						
5	Đất khu kinh tế*	KKT						
6	Đất đô thị*	KDT						

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2018 do cấp tỉnh phân bổ

Căn cứ theo khoản 3 – điều 3 – thông tư 29/2014/TT-BTNMT, các chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh phân bổ như sau:

2.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp

Năm 2018, đất nông nghiệp toàn huyện có diện tích là 26.284,17ha, giảm 2.159,22ha so với năm 2017 do chuyển sang đất phi nông nghiệp. Cụ thể từng chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

(1). Đất trồng cây hàng năm khác: Kế hoạch năm 2018 có diện tích 629,61ha, giảm 2,0ha so với hiện trạng năm 2017. Diện tích giảm là do chuyển sang đất ở tại nông thôn.

(2). Đất trồng cây lâu năm: Kế hoạch năm 2018 diện tích đất cây lâu năm là 25.459,78ha, giảm 2.181,22ha so với hiện trạng năm 2017 do chuyển sang xây dựng các công trình phi nông nghiệp.

(3). Đất nuôi trồng thủy sản: Năm 2018 có diện tích là 12,76ha, ổn định diện tích so với năm 2017.

2.1.2. Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp năm 2018 trên địa bàn huyện Bàu Bàng là 7.717,94ha, tăng 2.159,22ha so với hiện trạng năm 2017, diện tích tăng thêm được chuyển từ đất cây lâu năm. Cụ thể từng chỉ tiêu trong đất phi nông nghiệp như sau:

(1). Đất quốc phòng: Năm 2018 có diện tích là 31,44ha, tăng 3,0ha so với hiện trạng năm 2017. Diện tích tăng thêm do xây dựng 03 công trình sau:

- Công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ 2017: Trung đội dân quân thường trực (diện tích 0,50ha ở Lai Uyên, đây là công trình đề xuất không thực hiện thu hồi đất trong năm 2017; Đề xuất đưa vào năm 2018) và nhà quân sự 0,58ha (Tân Hưng).

- Công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ 2015: Trụ sở xã đội xã Hưng Hòa 1,92ha, chu chuyển từ đất trồng cây lâu năm.

(2). Đất an ninh: Năm 2018 có diện tích 43,57ha, tăng 1,62ha so với hiện trạng năm 2017. Diện tích tăng thêm do bố trí quỹ đất cho 03 công trình sau:

- Công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ 2017: Trụ sở công an xã Tân Hưng (diện tích 1,0ha), Trụ sở công an xã Hưng Hòa (diện tích 0,3ha).

- Công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ 2015: Trụ sở công an xã Trù Văn Thố 0,32ha.

(3). Đất khu công nghiệp: Diện tích năm 2018 là 2.591,26ha, tăng 1.592,20ha so với hiện trạng năm 2017, chu chuyển từ đất trồng cây lâu năm. Trong năm kế hoạch 2018, chuyển tiếp thực hiện 02 dự án từ KHSDĐ 2017: Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng (892,20ha, thuộc xã Lai Uyên và Cây Trường 2) và Khu công nghiệp Cây Trường (700,0ha, thuộc xã Cây Trường 2).

(4). Đất thương mại dịch vụ: Diện tích năm 2018 là 89,09ha, tăng 16,5ha so với hiện trạng năm 2017 do bố trí quỹ đất để chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ ở các xã, đặc biệt khu vực dọc các tuyến đường chính như Quốc lộ 13, đường Hồ Chí Minh, ĐT750, ĐT741B, ĐT749A,...

(5). Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Năm 2018 có diện tích là 1.014,99ha, tăng 244,0ha so với hiện trạng năm 2017. Diện tích tăng do:

- Bố trí quỹ đất 64ha để chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh theo đăng ký của các xã.

- Bố trí quỹ đất cho dự án sản xuất tại xã Long Nguyên: 150ha.

- Chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh các công ty (Chuyển tiếp từ KHSDĐ 2016): Công ty chế biến gỗ 15ha (Lai Uyên), Công ty sản xuất mắt kính 10,0ha (Lai Uyên) và Công ty chế biến sữa 5,0ha (Lai Uyên).

(6). Đất phát triển hạ tầng: Năm 2018 có diện tích là 1.925,73ha, tăng 187,44ha so với hiện trạng năm 2017. Cụ thể kế hoạch bố trí các công trình, dự án đất phát triển hạ tầng trong năm kế hoạch 2018 như sau:

(6.1 Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích năm 2018 là 20,61ha, tăng 14,18ha so với hiện trạng năm 2017 do bố trí quỹ đất xây dựng các công trình sau:

- Công trình đăng ký mới năm 2018: Trung tâm văn hóa thể thao huyện Bàu Bàng (Lai Uyên): 4ha; Nhà văn hóa và hội trường ấp 3 (Trừ Văn Thố): 0,32ha.

- Công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ 2017: Khu lịch sử Dinh Điền 2 (Trừ Văn Thố): 0,12ha; Trung tâm văn hóa xã Lai Uyên (Lai Uyên): 2ha; Trung tâm văn hóa xã Lai Hưng: 5,92ha.

(6.2 Đất y tế: Diện tích năm 2018 là 7,27ha, tăng 3,32ha so với hiện trạng năm 2017 do:

- Bố trí quỹ đất xây dựng trung tâm y tế huyện Bàu Bàng: 3,43ha, hiện đang trình thủ tục thu hồi đất, là công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ 2016.

- Chuyển quỹ đất trạm y tế cũ sang xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã Hưng Hòa: 0,11ha.

(6.3 Đất giáo dục và đào tạo: Diện tích năm 2018 là 52,68ha, tăng 5,56ha so với hiện trạng năm 2017 do bố trí quỹ đất xây dựng các công trình sau:

- Bố trí quỹ đất 5,88ha để xây dựng, mở rộng các công trình đất giáo dục (Bảng 5).

- Chuyển quỹ đất của trường Tiểu học Trừ Văn Thố sang xây dựng nhà văn hóa và Hội trường ấp 3 (0,32ha).

Bảng 5: Danh mục công trình đất giáo dục đào tạo trong năm kế hoạch 2018

<i>Đơn vị tính: ha</i>					
STT	Tên công trình	Địa điểm (xã)	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm
	Tổng		6,10	0,22	5,88
A	Đăng ký mới năm 2018				
1	Trường tiểu học Kim Đồng	Lai Hưng	1,60		1,60
B	Chuyển tiếp từ KHSDĐ 2015-2017				
2	Trường mầm non Ánh Dương	Lai Uyên	1,71		1,71
3	Trường mầm non Sao Mai	Long Nguyên	0,41		0,41
4	Mở rộng trường học (phân hiệu 8, ấp Đồng Chèo)	Lai Uyên	0,78	0,22	0,56
5	Trường tiểu học Bàu Bàng	Lai Uyên	1,60		1,60

Ghi chú: Các công trình số 4 và 5 là các công trình đề xuất không thực hiện thu hồi đất trong năm 2017 theo NQ14; Đề xuất đưa vào năm KH 2018.

(6.4 Đất giao thông: Diện tích năm 2018 là 1.528,86ha, tăng 109,74ha so với hiện trạng năm 2017 do bố trí quỹ đất cho các công trình như bảng 07. Các tuyến

đường đăng ký mới năm 2018 hiện nay đã có đường giao thông do UBND xã quản lý nhưng chưa thực hiện thủ tục thu hồi đất, đề xuất đưa vào KHSDD năm 2018 nhằm tạo cơ sở pháp lý để tiến hành các thủ tục đất đai.

Bảng 6: Danh mục công trình đất giao thông trong năm kế hoạch 2018

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã)	Diện tích tăng thêm
	Tổng		109,74
A	Công trình đăng ký mới năm 2018		
1	Đường giao thông	Lai Uyên	0,02
2	Đường giao thông từ nhà ông Mười Lượm - Lô cao su	Tân Hưng	0,004
3	Đường tổ 7, ấp Cây Sắn (Nhà ông Ôn đến nhà ông Tính) (gần nhà anh Tuấn)	Lai Uyên	0,88
4	Đường liên ấp Xà Mách – Cây Sắn (Nhà ông Út Dân đến nhà ông 6 Bảo) (đường nhựa UB gần nhà anh Thành)	Lai Uyên	0,24
5	Đường Tổ 6 ấp Bàu Lòng (Nhà bà 6 Bình Long đến nhà ông Lễ)	Lai Uyên	0,19
6	Đường Tổ 3 ấp Đồng Chèo (VP ấp Đồng Chèo đến giáp đường lộ Nông trường Cao su Lai Uyên)	Lai Uyên	0,57
7	Đường Tổ 01 ấp Đồng Sỏ (QL13 đến đất nhà ông Mí và giáp đường giao thông nông thôn 6m) đường vô nghĩa địa	Lai Uyên	0,24
B	Công trình chuyển tiếp từ KHSDD 2017		
8	Đường giao thông ấp Hồ Muôn	Long Nguyên	0,88
9	Đường giao thông ấp Mương Đào	Long Nguyên	0,03
10	Đường tổ 4, 5 ấp Nhà Mát	Long Nguyên	2,20
11	Đường giáp đất ông Cừ	Long Nguyên	0,06
12	Đường giao thông nông thôn ấp Suối Tre	Long Nguyên	0,01
13	Đường GT tuyến ông Hoàng - cầu Bến Than	Cây Trường 2	1,50
14	Đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (đoạn từ ĐT 750 đến KCN Bàu Bàng)	Lai Uyên	45,60
15	Đường giao thông nông thôn ấp Hồ Muôn	Long Nguyên	2,40
16	Đường giao thông nông thôn ấp Long Thành	Long Nguyên	2,40
17	Đường giao thông nông thôn liên ấp 2 - ấp 4	Trừ Văn Thố	0,70
C	Công trình chuyển tiếp từ KHSDD 2015		
18	Đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng	Lai Hưng, Lai Uyên	51,80

Ghi chú: Các công trình số 14, 15, 16 là các công trình đề xuất không thực hiện thu hồi đất trong năm 2017 theo NQ14; Đề xuất đưa vào năm KH 2018.

(6).5 Đất thủy lợi: Diện tích năm 2018 là 281,64ha, tăng 47,2ha so với hiện trạng năm 2017 do bố trí quỹ đất xây dựng các công trình sau:

- Trạm cấp nước xã Tân Hưng: 2ha, là công trình đề xuất không thực hiện thu hồi đất trong năm 2017 theo Nghị quyết 14/NQ-HĐND; Đề xuất đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch 2018.

- Hệ thống cấp nước khu vực Bàu Bàng: 23ha (tổng diện tích là 43ha, năm 2017 đã giao đất được 20ha, đây công trình chuyển tiếp từ KHSDD năm 2016)

- Dự án tuyến ống dẫn nước về trung tâm đô thị Bắc Bình Dương: 22,2ha, là công trình đề xuất không thực hiện thu hồi đất trong năm 2017 theo Nghị quyết 14/NQ-HĐND; Đề xuất đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch 2018.

(6).6 Đất công trình năng lượng: Diện tích năm 2018 là 16,23ha, tăng 6,94ha so với hiện trạng năm 2017 do bố trí quỹ đất xây dựng các công trình sau:

Bảng 7: Danh mục công trình đất năng lượng trong năm kế hoạch 2018

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình	Địa điểm (xã)	Diện tích tăng thêm
	Tổng		6,94
A	Công trình chuyển tiếp từ KHSDD 2017		
1	Công trình các lộ ra 110kV trạm biến áp 220kV Bến Cát	Lai Hưng	0,30
2	Nhánh rẽ TBA 110kV Bàu Bàng	Lai Hưng	0,20
3	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110kV Far Eastern	Lai Hưng	0,35
4	Công trình TBA 110kV Lai Hưng và đường dây đầu nối	Lai Hưng	0,40
5	Công trình đường dây 110kV từ trạm 220kV Bến Cát đến trạm 220kV Chơn Thành	Lai Hưng, Lai Uyên, Trừ Văn Thố	0,10
6	Công trình TBA 110kV Thanh An và đường dây 110kV Thanh An - trạm 220kV Bến Cát	Lai Hưng	0,90
7	Trụ đầu nối trạm biến áp 220kV	Lai Hưng	0,08
B	Công trình chuyển tiếp từ KHSDD 2015		
8	Đường điện 500KV Đức Hòa - Chơn Thành	Trừ Văn Thố, Cây Trường 2	4,61

(6).7 Đất chợ: Diện tích năm 2018 là 6,14ha, tăng 0,5ha so với hiện trạng năm 2017 do bố trí quỹ đất xây dựng chợ Tân Hưng.

Diện tích các loại đất hạ tầng khác vẫn giữ nguyên so với hiện trạng năm 2017 do chưa có kế hoạch bố trí công trình mới trong năm kế hoạch 2018, cụ thể: đất thể dục thể thao (11,16ha), đất dịch vụ xã hội (0,37ha), đất bưu chính viễn thông (0,77ha).

(7). Đất có di tích lịch sử văn hóa: Năm 2018 có diện tích là 2,25ha, ổn định so với hiện trạng năm 2017.

(8). Đất bãi thải, xử lý chất thải: Năm 2018 có diện tích là 2,61ha, ổn định diện tích so với năm 2017.

(9). Đất ở tại nông thôn: Năm 2018 có diện tích là 1.552,81ha, tăng 94,5ha so với năm 2017. Cụ thể như sau:

- Bố trí quỹ đất để chuyển mục đích đất ở của các hộ gia đình cá nhân: 23,5ha.

- Khu dân cư ấp Bà Tứ: 71ha thuộc xã Cây Trường 2, chuyển tiếp từ KHSDD năm 2017 (công trình này đang thực hiện).

(10). Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Năm 2018 có diện tích là 37,66ha, tăng 0,11ha so với hiện trạng năm 2017 do bố trí xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã Hưng Hòa (công trình đăng ký mới năm 2018).

Ngoài ra, danh mục các công trình thuộc Khu trung tâm hành chính và các công trình công cộng huyện Bàu Bàng (7,83ha, đã thống kê vào quỹ đất trụ sở cơ quan), hiện đang trình thủ tục thu hồi, tiếp tục chuyển tiếp sang năm 2018 để thực hiện; riêng công trình công trình Khu trung tâm hành chính, nhà công vụ, trung tâm hội nghị triển lãm đăng ký trong năm kế hoạch 2017, kế hoạch sử dụng đất năm 2018 chuyển thành hạng mục công trình Hội trường Huyện, nhà ăn Huyện ủy.

(11). Đất cơ sở tôn giáo: Cơ bản ổn định 4,78ha như năm 2017.

(12). Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Năm 2018 có diện tích là 40,65ha, tăng 4,5ha so với hiện trạng năm 2017 do bố trí quỹ đất xây dựng các công trình:

- Công viên văn hóa nghĩa trang huyện Bàu Bàng: 3ha, là công trình không thực hiện trong năm kế hoạch theo NQ 14; Đề xuất đưa vào năm kế hoạch 2018.

- Nghĩa địa cũ xã Long Nguyên, diện tích 1,5ha (công trình chuyển tiếp KHSDD năm 2017).

2.1.3. Chỉ tiêu đất chưa sử dụng

Năm 2017, trên địa bàn huyện Bàu Bàng không còn quỹ đất chưa sử dụng.

2.2. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2018 do cấp huyện xác định

(1). Đất nông nghiệp khác: Năm 2018 có diện tích là 182,02ha, tăng 24ha so với hiện trạng năm 2017, là diện tích bố trí theo đăng ký nhu cầu chuyển mục đích đất nông nghiệp khác trong năm 2018 ở các xã.

(2). Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Ổn định diện tích 51,95ha như hiện trạng năm 2017.

(3). Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng năm 2018 là 6,11ha, tăng 0,35ha so với hiện trạng năm 2017 do bố trí quỹ đất xây dựng các công trình: văn phòng ấp Đồng Chèo (0,3ha ở xã Lai Uyên, công trình chuyển tiếp từ KHSDD 2017) và văn phòng ấp Bàu Bàng (0,05ha ở xã Lai Uyên, công trình chuyển tiếp từ KHSDD 2015).

(4). Đất cơ sở tín ngưỡng: Ổn định 0,92ha so với hiện trạng năm 2017.

(5). Đất khu vui chơi giải trí công cộng: Trong năm kế hoạch, bố trí quỹ đất 15ha để xây dựng các công trình phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của người dân trên địa bàn Huyện. Theo đó, diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng đến năm 2018 là 67,44ha, tăng 15ha so với hiện trạng năm 2017.

(6). Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Năm 2018 có diện tích 226,61ha, ổn định như năm 2017.

(7). Đất có mặt nước chuyên dùng: Cơ bản ổn định diện tích 27,61ha so với năm 2017.

(8). Đất phi nông nghiệp khác: 0,45ha, ổn định so với năm 2017.

Bảng 8: Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 trên địa bàn các xã huyện Bàu Bàng

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Toàn huyện	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
			Cây Trường 2	Trừ Văn Thố	Tân Hưng	Long Nguyên	Lai Uyên	Lai Hưng	Hưng Hòa
	Tổng diện tích tự nhiên	34.002,11	4.464,13	2.764,48	3.299,21	7.541,37	8.835,93	4.777,20	2.319,79
1	Đất nông nghiệp	26.284,17	3.004,65	2.299,74	3.115,24	6.804,87	5.447,28	3.497,90	2.114,49
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	629,61		66,09	29,37	128,44	94,11	290,89	20,72
1.3	Đất trồng cây lâu năm	25.459,78	2.980,53	2.200,28	3.082,74	6.604,87	5.301,43	3.197,16	2.092,77
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	12,76		1,61		3,79	6,46	0,90	
1.9	Đất nông nghiệp khác	182,02	24,12	31,76	3,13	67,77	45,29	8,95	1,00
2	Đất phi nông nghiệp	7.717,94	1.459,48	464,74	183,97	736,50	3.388,65	1.279,30	205,29
2.1	Đất quốc phòng	31,44			0,58		0,50	28,44	1,92
2.2	Đất an ninh	43,57		0,32	1,00	0,27	6,00	0,30	35,68
2.3	Đất khu công nghiệp	2.591,26	1.008,00				1.422,90	160,36	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	89,09	10,31	5,24	1,19	3,95	39,70	24,23	4,47
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1.014,99	1,32	91,17	1,00	231,54	306,62	373,38	9,95
2.9	Đất phát triển hạ tầng	1.925,73	260,33	288,53	120,42	211,48	659,94	296,11	88,92
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	2,25					2,05	0,20	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	2,61		0,46		1,97		0,18	
2.13	Đất ở tại nông thôn	1.552,81	119,85	63,70	50,14	137,32	819,00	318,29	44,50
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	37,66	1,40	0,53	2,30	0,91	31,27	0,89	0,36
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	4,78	0,49	0,32	0,07	0,62	1,88	1,07	0,33
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	40,65	2,01	5,46	3,51	13,55	8,34	4,07	3,71
2.20	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	51,95				51,95			
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	6,11	0,64	0,65	1,98	1,25	1,10	0,35	0,14
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	67,44				0,12	61,77	5,55	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,92				0,44	0,07	0,41	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	226,61	55,13	8,36	1,78	80,89	27,05	38,09	15,31
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	27,61				0,24		27,37	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	0,45					0,45		
3	Đất chưa sử dụng								
4	Đất khu công nghệ cao*								
5	Đất khu kinh tế*								
6	Đất đô thị*								

3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

- Tổng diện tích cần chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp trong năm kế hoạch 2018 là 2.159,22ha. Trong đó, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 2,0ha, đất trồng cây lâu năm là 2.157,22ha.

- Tổng diện tích chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp 24,0ha, là phần diện tích chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác.

Cụ thể trên địa bàn từng xã như bảng sau:

**Bảng 9: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018
huyện Bàu Bàng – tỉnh Bình Dương**

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
			Cây Trường 2	Trừ Văn Thố	Tân Hưng	Long Nguyên	Lai Uyên	Lai Hưng	Hưng Hòa
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	2.159,22	1.086,11	44,38	14,40	169,89	781,13	57,08	6,22
-	Đất trồng cây hàng năm	2,00		0,50		1,00		0,50	
-	Đất trồng cây lâu năm	2.157,22	1.086,11	43,88	14,40	168,89	781,13	56,58	6,22
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	24,00	3,00	4,00	1,00	5,00	5,00	5,00	1,00
-	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	24,00	3,00	4,00	1,00	5,00	5,00	5,00	1,00

4. Diện tích đất cần thu hồi

Tổng diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch 2018 là 1.797,48ha, trong đó: đất nông nghiệp (đất cây lâu năm): 1.797,05ha và đất phi nông nghiệp (đất y tế và đất giáo dục): 0,43ha. Cụ thể trên địa bàn từng xã như bảng sau:

**Bảng 10: Kế hoạch thu hồi đất năm 2018
huyện Bàu Bàng – tỉnh Bình Dương**

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
			Cây Trường 2	Trừ Văn Thố	Tân Hưng	Long Nguyên	Lai Uyên	Lai Hưng	Hưng Hòa
1	Đất nông nghiệp	1.797,05	1.011,11	24,38	10,90	9,89	701,96	36,58	2,22
-	Đất trồng cây HN khác								
-	Đất trồng cây lâu năm	1.797,05	1.011,11	24,38	10,90	9,89	701,96	36,58	2,22
-	Đất nông nghiệp khác								
2	Đất phi nông nghiệp	0,43		0,32					0,11
-	Đất phát triển hạ tầng	0,43		0,32					0,11

5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Năm 2017, trên địa bàn huyện Bàu Bàng không còn quỹ đất chưa sử dụng.

6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2018

Tổng số công trình, dự án sử dụng đất thực hiện trong năm kế hoạch 2018 trên địa bàn huyện Bàu Bàng là 74 dự án. Cụ thể:

- Nhóm công trình, dự án an ninh, quốc phòng: 6 dự án với tổng diện tích 4,62ha.

- Công trình, dự án do Thủ tướng chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi: 03 dự án với tổng diện tích 1.596,81ha.

- Nhóm công trình, dự án do hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất: 60 dự án, gồm 42 dự án phát triển hạ tầng và 18 dự án khác.

- Nhóm công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất: 5 dự án.

7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch 2018

- Căn cứ Luật đất đai 2013;

- Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Căn cứ Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc Ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

- Căn cứ danh mục công trình, dự án đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch 2018 ở huyện Bàu Bàng,

Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2018 ở huyện Bàu Bàng như sau:

- Tổng thu: 312,09 tỷ đồng, chủ yếu là thu tiền sử dụng đất, tiền chuyển mục đích sử dụng đất ở, cho thuê đất,...

- Tổng chi: 302,82 tỷ đồng, là khoản chi đền bù giải tỏa cho khi xây dựng các công trình phi nông nghiệp mà phải đền bù khi thu hồi đất.

- Cân đối: thu – chi= +9,27 tỷ đồng.

II. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

2. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

2.1. Công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất

2.2. Trách nhiệm các ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Bàu Bàng được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; quán triệt kế hoạch phát triển của các ngành, các xã và cân nhắc khả năng đầu tư từ nguồn ngân sách và ngoài ngân sách trên địa bàn Huyện; tranh thủ sự chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường để xác định các định hướng lớn về sử dụng đất trên địa bàn cũng như quy trình kỹ thuật, nội dung để xây dựng kế hoạch sử dụng đất. Nên khi được phê duyệt sẽ tạo cơ sở rất vững chắc về pháp lý, khoa học và thực tiễn để tổ chức quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn của Huyện trong năm 2018.

Kết quả nghiên cứu xây dựng kế hoạch sử dụng đất đã dự báo được nhu cầu sử dụng đất các ngành, các lĩnh vực đến quy mô từng công trình, dự án phân bố trên từng xã gắn với các tờ, thửa bản đồ địa chính cụ thể; tổng hợp thành hệ thống các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2018 theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường; đồng thời xây dựng hệ thống bản đồ chuyên đề A4 và bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2018 ở tỷ lệ 1/25.000, sơ đồ vị trí các công trình, dự án thực hiện trong năm 2018 làm cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

Sau khi được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt, UBND huyện Bàu Bàng chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành. Hàng năm có báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất để báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ.
